

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/LĐ-ST
Ngày: 13- 6- 2024
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yên - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Lê Văn Công – Huru trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 31/2024/TLST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lưu Thị Kim V, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số G, đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1999; ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; cùng địa chỉ liên hệ: Số G N, phường L; thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 31/7/2023). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường T, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Đức P, sinh năm 1970; địa chỉ: Công ty TNHH S, Đường T, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 11/3/2024). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Vũ L, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Mai Văn H, sinh năm 1954; bà Lê Thị P1, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Số A, Tổ A, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3.4. Cháu Mai Thanh L1, sinh ngày 30/12/2019 và cháu Mai Văn P2, sinh ngày 23/5/2011; địa chỉ: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu Mai Thanh L1 và cháu Mai Văn P2: Bà Lưu Thị Kim V, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số G, đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Thành T, ông Đậu Đức N, trình bày:

Bà Lưu Thị Kim V và ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 174/TPHT; Quyền số 02/2010 tại UBND xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang ngày 08/11/2010. Năm 2021 ông P4 chết theo trích lục khai tử số 1026/TLKT-BS ngày 03/10/2021.

Trước lúc chết ông P4 làm việc tại Công ty V1 – concepts từ tháng 5/2007 đến tháng 8/2021 và đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ tại Bảo hiểm xã hội thành phố T theo số bảo hiểm 9107095089.

Sau khi ông P4 chết, bà V đã liên hệ Bảo hiểm thành phố T và có nguyện vọng nhận bảo hiểm xã hội tử tuất 01 lần của ông P4. Tuy nhiên, bà V được Bảo hiểm xã hội thành phố T cung cấp thông tin hồ sơ của ông P4 hiện nay có 03 sổ bảo hiểm có quá trình bảo hiểm xã hội trùng thời gian đóng, Cụ thể:, ngoài sổ bảo hiểm của ông P4 thì còn có 02 sổ bảo hiểm:

1. Sổ số 7408206837 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2008 đến tháng 3/2009. Làm việc tại Công ty TNHH T1; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Sổ số 7410197904 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2012. Làm việc tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi bà V tìm hiểu thì được biết trước đây hai người hàng xóm là ông Nguyễn Vũ L và ông Nguyễn Minh D có mượn hồ sơ của ông P4 để đi làm việc.

Nay, bà Lưu Thị Kim V là vợ của ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu.

Đối với số số 7408206837 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2008 đến tháng 3/2009 làm việc tại Công ty TNHH T1 bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Công văn số 1767/LDTBXH-BHXH ngày 31/5/2022; sổ bảo hiểm xã hội; hợp đồng lao động; quyết định cho thôi việc; giấy đăng ký kết hôn; trích lục khai tử; giấy khai sinh; đơn xin xác nhận ngày 05/6/2023; bảng cam đoan ngày 05/6/2023; văn bản khai nhận di sản thừa kế; bảng tường trình về quan hệ nhân thân.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S ông Trần Đức P trình bày:

Vào tháng 6 năm 2010 giữa công ty TNHH S và ông Nguyễn Vũ L có ký hợp đồng lao động (thời gian lâu rồi ông không nhớ hợp đồng lao động có xác định thời hạn hay không xác định thời hạn); công việc của ông L tại công ty là công nhân bên bộ phận ép đế. Ông L làm việc tại công ty đến tháng 4 năm 2012 thì ông L nghỉ việc. Thời gian ông L làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo xã hội cho ông L đầy đủ. Khi ông L đến công ty làm việc thì ông L có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là ông Mai Trúc P3 do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan người lao động làm việc cho công ty TNHH S đều thể hiện tên Mai Trúc P3 vì vậy, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Mai Trúc P3 mà không phải là ông Nguyễn Vũ L. Việc ông Nguyễn Vũ L có hành vi lừa dối mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với công ty là hành vi trái pháp luật và công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của ông L. Mãi đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho công ty TNHH S thì công ty mới biết.

Nay, bà B Lưu Thị Kim V là vợ của ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) khởi kiện yêu cầu Tòa án Tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu thì công ty TNHH S không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn không trình gì khác và bị đơn xác định bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ L trình bày:

Vào tháng 6 năm 2010 giữa Công ty TNHH S và ông có ký hợp đồng lao động (thời gian lâu rồi ông không nhớ hợp đồng lao động có xác định thời hạn hay không xác định thời hạn); công việc của ông tại công ty là công nhân bên bộ phận ép đế. Ông làm việc tại công ty đến tháng 4 năm 2012 thì nghỉ việc. Thời gian ông làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi ông đến công ty làm việc, ông có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là ông Mai Trúc P3 do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan người lao động làm việc cho công ty TNHH S đều thể hiện tên Mai Trúc P3 vì vậy, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Mai Trúc P3 mà không phải là Nguyễn Vũ L. Việc ông mượn hồ sơ của ông P3 để giao kết hợp đồng lao động với

công ty TNHH S là vì thời điểm đó ông chưa đủ tuổi lao động nên mượn hồ sơ của ông P3 để xin việc làm. Do lúc đó ông còn nhỏ tuổi nên không biết việc mượn hồ sơ của người khác để xin việc là bị pháp luật nghiêm cấm.

Nay, bà Lưu Thị Kim V là vợ của ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) khởi kiện yêu cầu Tòa án Tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu thì ông đồng ý. Ông xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày: Công ty TNHH S có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho ông Mai Trúc P3, sinh ngày 12/12/1986, số chứng minh nhân dân 351771211, mã số Bảo hiểm xã hội 7410197904 từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 04 năm 2012, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H, bà Lê Thị P1 thống nhất trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4). Khi còn sống ông P4 đã đăng ký kết hôn với bà Lưu Thị Kim V. Vào năm 2021 ông P4 chết để lại di sản là khoản tiền bảo hiểm xã hội theo số bảo hiểm xã hội mã số: 9107095089, cấp ngày 14/8/2019. Đối với phần di sản này, ông bà thống nhất đồng ý để cho bà Lưu Thị Kim V được quyền nhận toàn bộ số di sản thừa kế nêu trên theo văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/6/2023 được chứng thực tại UBND xã Ô.

Do đã thực hiện việc khai nhận di sản theo văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 05/6/2023 nên ông bà không còn liên quan và không có yêu cầu độc lập nào đối với vụ án trên. Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lưu Thị Kim V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2012 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở: Đường T, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Thành T, ông Đậu Đức N; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Đức P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, ông Nguyễn Vũ L, ông Mai Văn H, bà Lê Thị P1; người đại diện hợp pháp cho cháu Mai Thanh L1 và cháu Mai Văn P2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo đơn xác nhận ngày 05/6/2023 tại Công an xã Ô1 xác định ông Mai Trúc P3, sinh ngày 12/12/1986 và ông Mai Chúc P4, sinh ngày 23/10/1986 là một người. Xác nhận của Công an xã Ô1 phù hợp với thông tin trên giấy khai sinh số 699; Quyền số 03 thể hiện ngày tháng, năm sinh và tên đầy của ông P4 là Mai Chúc P4, sinh ngày 23/10/1986. Như vậy, có căn cứ xác định ông P4 có tên và ngày tháng, năm sinh đầy đủ là Mai Chúc P4, sinh ngày 23/10/1986.

[5] Quá trình tố tụng các bên đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S và Mai Trúc P3 (tên chính xác là Mai Chúc P4). Nhưng các đương sự đều thống nhất xác định vào tháng 6 năm 2010 giữa Công ty TNHH S và ông P4 (thực tế ông L ký hợp đồng lao động); công việc của ông L tại công ty là công nhân bên bộ phận ép đế. Ông L làm việc tại công ty đến tháng 4 năm 2012 thì nghỉ việc. Thời gian ông L làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi ông L đến công ty làm việc, ông L có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy chứng minh nhân dân; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là ông Mai Trúc P3 do đó toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan đến người lao động làm việc cho công ty TNHH S đều thể hiện tên Mai Trúc P3 vì vậy, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Mai Trúc P3 mà không phải là Nguyễn Vũ L. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Vũ L dùng nhân thân của ông Mai Trúc P3 (tên thật là Mai Chúc P4) để ký kết hợp đồng lao động với công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 4 năm 2012 là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Mai Trúc P3 và người sử dụng lao động công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 4 năm 2012 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của ông Nguyễn Vũ L do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim V về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH S.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Mai Trúc P3 (tên thật là Mai Chúc P4) và Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2010 đến tháng 04 năm 2012 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Mai Trúc P3 (tên thật là Mai Chúc P4 – đã chết) do bà Lưu Thị Kim V là người đại diện thực hiện làm các thủ tục về bảo hiểm xã hội cho ông Mai Chúc P4 theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lưu Thị Kim V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004688 ngày 20/02/2024 (do ông Võ Thành T nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Thị Bạch Tuyết